

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGUYỄN BÌNH
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25 /2022/HNGĐ-ST.

Ngày 21 / 7 / 2022.

V/v: “Yêu cầu giải quyết Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGUYỄN BÌNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Lịch.
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ma Thanh Khỏe và bà Lãnh Thị Muôn
- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng; Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nguyễn Bình, Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Lương Ngọc Tân – Kiểm sát viên

Trong ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2022/TLSTHNGĐ ngày 10/3/2022 về việc: “yêu cầu giải quyết LY hôn” giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Lý Mùi C; sinh năm 1992,
Nơi ĐKKHKT: Xóm LY, xã V, huyện B, tỉnh Cao Bằng.
Địa chỉ khi LY hôn: Xóm Q (nay là xóm M), thị trấn LY, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.
2. Bị đơn: Anh Bàn Tồn C, sinh năm 1988,
Trú tại: Xóm LY, xã V, huyện B, tỉnh Cao Bằng. *Vắng mặt không có lý do*
3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Cao Bằng.
Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Lương Thanh H; Giám đốc phòng giao dịch, theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số 7300/QĐNHCS ngày 19/9/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Nguyễn Bình chị Lý Mùi C (nguyên đơn) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Mùi C và anh Bàn Tồn C kết hôn từ tháng 8 năm 2009, hôn nhân không được tìm hiểu, trên cơ sở tự nguyện, hôn lễ được tổ chức theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thái Học (nay là xã V), huyện B, tỉnh Cao Bằng. Sau kết hôn chị C đến chung sống cùng gia đình anh C tại xóm LY, xã V, đến năm 2012 bà Liễu mẹ chồng chị tách ra ở riêng thì tình cảm vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C không giúp đỡ chị chăm lo gánh vác công việc gia đình, thường xuyên đi chơi bời lêu lổng uống rượu về gây sự chửi bới, đe dọa và đuổi chị ra khỏi nhà nhiều lần, sự việc mâu thuẫn vợ chồng đã tự hòa giải và gia đình hai bên hòa giải, anh C đã cam kết hứa sẽ sửa chữa nhưng được một thời gian thì lại tái diễn cụ thể là ngày 09/01/2022 (âm lịch) hôm đó có việc chị phải đi có việc về muộn, khi về tới nhà anh C lại chửi bới, đe dọa và đã đuổi chị ra khỏi nhà, chị đã phải cõng con nhỏ bỏ về nhà bố mẹ đẻ, chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục cùng anh C chị yêu cầu Ly hôn với anh Bàn Tồn C.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 20/5/2022 của anh Bàn Tồn C (bị đơn) đối với yêu cầu của nguyên đơn anh C trình bày về phần thủ tục kết hôn và thời gian chung sống tương tự như chị C trình bày. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường mặc dù thỉnh thoảng đôi lúc do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra cãi chửi nhau nhưng vợ chồng vẫn tự hòa giải và trở lại cuộc sống bình thường. Về lý do chị C bỏ đi nguyên nhân mâu thuẫn là tháng 01/2022 (âm lịch) anh không nhớ ngày hôm đó chị C đi chợ chơi cả ngày không về chăm lo công việc gia đình khiến anh bức mình và do anh đã uống rượu khi chị C về tới nhà anh có hỏi chị thì chị C đã cãi lại anh nên anh đã chửi mắng chị và đuổi chị đi. Sau khi chị C bỏ đi thời gian được khoảng 01 tháng không thấy chị C trở về, anh đã trực tiếp đến nhà bố mẹ vợ để hỏi, với mục đích nhờ bố mẹ vợ giúp đỡ khuyên bảo và để anh đón chị C về, nhưng khi anh đến nhà bố mẹ vợ thì đã bị bố vợ chửi, đánh và đuổi anh đi và từ đó anh cũng không gặp lại chị C thêm lần nào nữa, vợ chồng cũng sống LY thân từ đó đến nay. Nay chị C yêu cầu giải quyết LY hôn anh không đồng ý vì anh cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa tới mức phải LY hôn, anh mong muốn chị C trở lại đoàn tụ gia đình. Trường hợp chị C vẫn cương quyết Ly hôn thì anh yêu cầu Tòa giải quyết đơn phương cho chị C còn anh sẽ không đến Tòa để giải quyết và anh yêu cầu Tòa án không cần triệu tập anh thêm lần nào nữa, và anh cũng sẽ không nhận văn bản tố tụng.

Ý kiến nguyện vọng của cháu Bàn Thị Khánh L; sinh ngày 02/11/2010 tại bản tự khai ngày 29/4/2022 cháu L khai “cháu không muốn bố mẹ Ly hôn, nhưng nếu bố mẹ Ly hôn cháu có nguyện vọng được ở cùng bà nội và ở với bố”.

- *Về con chung*: Chị C và anh C cùng xác nhận vợ chồng có 02 con chung: là cháu Bàn Thị Khánh L; sinh ngày 02/11/2010 và Bàn Khánh Linh; sinh ngày 26/4/2020. Hiện cháu L đang ở với anh C, cháu Linh đang ở với chị C. Sau Khi Ly hôn chị C yêu cầu chị và anh C mỗi người có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng 01 con cụ thể anh C sẽ nuôi cháu Bàn Thị Khánh L; chị C nuôi cháu Bàn Khánh Linh và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ý kiến của anh C nếu LY hôn thì chị C phải tự nuôi cả 02 con, anh sẽ không có trách nhiệm nuôi con và đóng góp nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị C anh C khai quá trình chung sống vợ chồng có mua sắm tạo dựng được một số tài sản nhưng nay do anh C đồng ý mỗi người có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số tiền 32.000.000,đ (Ba mươi hai triệu đồng) vợ chồng còn nợ NHCSXH huyện B nên chị C không yêu cầu chia và đồng ý để lại toàn bộ số tài sản cho anh C và để cho con tiếp tục quản lý sử dụng.

Ý kiến của anh C về phần tài sản chung anh đề nghị tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

- *Về các khoản nợ chung*: Chị C, anh C cùng xác nhận tháng 11/2019 vợ chồng có vay với Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Cao Bằng số tiền 50.000.000,đ (Năm mươi triệu đồng) do chị C là đứng tên đại diện, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 28/6/2024. để đầu tư mua trâu, sửa chữa nhà cửa, xây dựng chuồng trại và vợ chồng vợ chồng đã trả được 18.000.000,đ, Thời điểm nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết Ly hôn vợ chồng còn nợ NHCSXH số tiền là 32.000.000,đ (Ba mươi hai triệu đồng), chị C, anh C cùng có yêu cầu vợ chồng mỗi người phải có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số tiền còn nợ trên, ngày 12/5/2022 chị C đã đến NHCSXH huyện B trả trả 16.000.000,đ (Mười sáu triệu đồng), ngày 02/6/ 2022 anh C đến NHCSXH huyện B trả 12.000.000,đ (Mười hai triệu đồng) Tổng cộng chị C và anh C đã cho NHCSXH huyện B số tiền là 46.000.000,đ (Bốn mươi sáu triệu đồng) và còn nợ là 4.000.000,đ (Bốn triệu đồng) số nợ còn lại này chị C yêu cầu anh C có trách nhiệm tiếp tục thanh toán trả nợ cho Phòng giao dịch NHCSXH huyện B, tỉnh Cao Bằng theo vợ chồng yêu cầu và vợ chồng đã thỏa thuận.

Ý kiến của đại diện Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B tỉnh Cao Bằng.

Tại Công văn số 115/NHCS-CV ngày 24/5/2022 và ý kiến của đại diện Phòng giao dịch NHCSXH huyện B, Cao Bằng đối với khoản cho vay hộ gia đình anh Bàn Tồn C tại xóm Ly, V, Nguyên Bình, Cao Bằng, chị Lý Mùi C là người đại diện đứng tên giao dịch từ tháng 11/2019 với số tiền là 50.000.000,đ (Năm Mươi triệu đồng), NH CSXH cho vay theo hộ gia đình để đầu tư sản xuất và chăn nuôi bò sinh sản, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 28/6/2024 xác nhận

vợ chồng chị C anh C đã trả trả 46.000.000,đ (Bốn mươi sáu triệu đồng) tính đến thời điểm ngày 21/7/2022 vợ chồng còn nợ số tiền gốc và tiền lãi phát sinh là 4.072.000,đ (Bốn triệu không trăm bảy mươi hai nghìn đồng chẵn)

Đại diện Phòng giao dịch NHCSXH huyện B đề nghị các thành viên trong gia đình tiếp tục trả số tiền gốc 4.000.000,đ (Bốn triệu đồng) và tiền lãi phát sinh cho NHCSXH huyện B, Cao Bằng theo thỏa thuận. Trường hợp không thỏa thuận được thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của Pháp luật.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng:

Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1, Điều 28, Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 là dùng thẩm quyền, Thẩm phán, Thẩm tra viên được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện thu thập chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định tại các Điều 48, 50 195, 196, 197, 198, 203, 237, 239, và Điều 243 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Những người tham gia tố tụng nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành nội qui phiên tòa theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, về bị đơn trong quá trình tố tụng Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng do bị đơn không hợp tác, cố tình che giấu địa chỉ, Tòa án đã lập biên bản theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiếp tục giải quyết vụ án là đúng theo quy định của Pháp luật.

Về Quan điểm đề xuất hướng giải quyết vụ án:

Về Căn cứ áp dụng pháp luật: Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; Khoản 1, Điều 35, Điều 39; Khoản 5 Điều 147. Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 51; 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014,

1. Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu xin Ly hôn của chị Lý Mùi C được LY hôn anh Bàn Tồn C

2. Về con chung: Giao cháu Bàn Thị Khánh L; sinh ngày 02/11/ 2010 cho anh Bàn Tồn C chăm sóc nuôi dưỡng, Giao cháu Bàn Khánh Linh; sinh ngày 26/4/2020 cho Chị Lý Mùi C tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng .

3. Tài sản chung, nợ chung:

- Về tài sản chung: Các đương sự yêu cầu tự thỏa thuận, không đặt ra xem xét.

Tại thời điểm làm đơn khởi kiện vợ chồng cùng xác nhận còn nợ Ngân hàng CSXH huyện B, Cao Bằng số tiền 32.000.000,đ Chị C anh C đều có yêu

cầu nếu Ly hôn mỗi người phải có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số tiền còn nợ Ngân hàng. Thời gian thụ lý giải quyết vụ án ngày 12/5/2022 chị C đã đến phòng giao dịch NHCSXH huyện B trả phần nợ của mình với số tiền là 16.000.000,đ (Mười sáu triệu đồng), ngày 02/6/2022 anh C đến phòng giao dịch NHCSXH huyện B trả số tiền 12.000.000,đ (Mười hai triệu đồng) Tổng cộng vợ chồng chị C anh C đã trả là 28.000.000,đ (Hai mươi tám triệu đồng), số tiền còn nợ là 4.000.000,đ (Bốn triệu đồng) và khoản tiền lãi phát sinh chưa thanh toán. Nên yêu cầu anh C có trách nhiệm thanh toán số nợ còn lại cho NHCSXH huyện B

5. Về án phí: Nguyên đơn và bị đơn thuộc nghèo, nên được miễn án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

[1] *Về áp dụng pháp luật tố tụng:* Chị Lý Mùi C có đơn yêu cầu giải quyết Ly hôn, Chị Lý Mùi C và anh Bàn Tồn C đều có cùng nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm LY, xã V, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ đối với các bên đương sự, bị đơn anh Bàn Tồn C có mặt tại địa phương nhưng không hợp tác và từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2.

Căn cứ khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, khoản 5 Điều 177 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn anh Bàn Văn Dũng là đúng với quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lý Mùi C kết hôn với anh Bàn Tồn C từ tháng 8 năm 2009, hôn nhân không được tìm hiểu, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn Tại UBND xã Thái Học (nay là xã V), hôn lễ được tổ chức theo phong tục dân tộc địa phương. Sau khi kết hôn quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nhưng vợ chồng tự hoà hợp lại được. Đến ngày 09/01/2022 (âm lịch) anh C uống rượu say gây gỗ chửi bới, đe dọa và đã vút đồ đạc cá nhân của và đuổi chị C ra khỏi nhà, chị C đã phải đem theo con nhỏ bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Anh C thừa nhận tình cảm vợ chồng đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn và anh đã chửi mắng và đuổi chị ra khỏi nhà nhưng anh chưa bao giờ đánh chị. Nay chị C yêu cầu được Ly hôn, anh C không đồng ý anh yêu cầu được đoàn tụ với lý do anh cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa tới mức phải Ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy quá trình chung sống vợ chồng đã thường xuyên xảy ra xung đột anh C đã nhiều lần chửi bới đe dọa và đuổi chị đi. Anh C không giúp đỡ chị quán xuyến công việc gia đình, vợ chồng không có sự thông cảm sẻ chia, anh C thường xuyên uống rượu, mỗi khi say rượu lại kiêu có gây sự chửi bới đuổi chị ra khỏi nhà, vợ chồng đã LY hôn từ tháng 02/2022 cho đến nay, anh C không đồng ý LY hôn yêu cầu chị C trở lại đoàn tụ nhưng quá trình cho thấy vợ chồng đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn nhưng vợ chồng vẫn không có biện pháp khắc phục, là người có lỗi nhưng anh C đã không chủ động gặp chị C để hoà giải hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng chị C, anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu được LY hôn của chị Lý Mùi C đối với anh Bàn Tồn C là có căn cứ. và phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ.

[3] Về con chung: Chị Lý Mùi C với anh Bàn Tồn C có 02 con chung là Bàn Thị Khánh L, sinh ngày 02/11/2010 và Bàn Khánh Linh; sinh ngày 26/4/2020. Hiện tại cháu Lý đang ở với anh C, lời khai của cháu L không muốn bố mẹ LY hôn nhưng nếu bố mẹ Ly hôn nguyện vọng được ở với bà nội và ở với bố.

Ý kiến của nguyên đơn chị Lý Mùi C yêu cầu sau khi LY hôn chị với anh C mỗi người có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng 01 con, cụ thể anh C sẽ nuôi cháu Bàn Thị Khánh L còn chị nuôi cháu Bàn Khánh Linh và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ý kiến của anh C yêu cầu nếu Ly hôn thì chị C tự nuôi cả 02 con và anh sẽ không có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử nhận thấy nghĩa vụ và trách nhiệm nuôi dưỡng con chung khi con chưa đủ tuổi trưởng thành là trách nhiệm chung của vợ chồng, khi LY hôn vợ chồng có quyền thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi LY hôn đối với con. Trường hợp không thỏa thuận được Tòa án quyết định giao cho một bên trực tiếp nuôi trên cơ sở căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Do vậy việc yêu cầu nuôi con sau khi LY hôn của chị C là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của chị và nguyện vọng yêu cầu của cháu Bàn Thị Khánh L.

Ý kiến anh C anh yêu cầu sau khi Ly hôn chị C phải tự nuôi cả 02 con và anh không có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là trái với quy định của pháp luật nên không được chấp nhận theo quy định tại các Điều 81; 82; 83.và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] *Về tài sản chung*: Chị C không yêu cầu chia, anh C yêu cầu tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không đặt vấn đề xem xét.

[5] *Về Nợ chung*: Đại diện Phòng giao dịch NHCSXH huyện B, tỉnh Cao Bằng xác nhận đến thời điểm ngày 21/7/2022 hộ gia đình Bàn Tồn C do chị Lý Mùi C đứng tên vay còn nợ số tiền gốc và tiền lãi là 4.072.000,đ (Bốn triệu không trăm bảy mươi hai nghìn đồng) NHCSXH huyện cho hộ gia đình vay để đầu tư sản xuất, chăn nuôi bò sinh sản, không phải cho vay tiêu dùng cá nhân nay chị C anh C LY hôn NHCSXH Nguyên Bình yêu cầu hộ gia đình anh C, chị C cùng có trách nhiệm thanh toán cho NHCSXH số tiền trên theo vợ chồng thỏa thuận. Trường hợp không thỏa thuận được đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. HĐXX nhận thấy Tại thời điểm Thụ Ly đơn yêu cầu giải quyết vụ án chị C, anh C đều có yêu cầu và thỏa thuận nếu Ly hôn chị C và anh C mỗi người phải chịu trả $\frac{1}{2}$ số tiền còn nợ NHCSXH là 32.000.000,đ, mỗi người phải trả là 16.000.000,đ, anh C đã trả là 12.000.000,đ. Do vậy nên cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và buộc anh Bàn Tồn C có trách nhiệm thanh toán trả nợ cho Phòng giao dịch NHCSXH huyện B, tỉnh Cao Bằng, số tiền nợ còn lại là 4.000.000,đ (Bốn triệu đồng) và khoản tiền lãi phát sinh chưa thanh toán và phù hợp theo quy định tại Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] *Về án phí*: Chị Lý Mùi C và anh Bàn Tồn C thuộc đối tượng được miễn án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội;

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các Điều 51; 53; 56, 57; 58; 59; 60; 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị Lý Mùi C được Ly hôn anh Bàn Tồn C.

2. *Về con chung*: - Giao cháu Bàn Thị Khánh L; sinh ngày 02/11/2010 cho anh Bàn Tồn C có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu L đủ 18 tuổi;

- Chị Lý Mùi C được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bàn Khánh Linh; sinh 26/4/2020 cho đến khi cháu Linh đủ 18 tuổi;

Về cấp dưỡng nuôi con do chị C, anh C mỗi người nuôi 01 con nên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị C, anh C được quyền đi lại thăm nom con theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

3. *Tài sản chung*: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

4. *Các khoản nợ chung*: Buộc anh Bàn Tồn C có trách nhiệm trả nợ 4.000.000, đ (Bốn triệu đồng) tiền gốc và số tiền lãi phát sinh chưa thanh toán cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, Phòng giao dịch NHCSXH huyện B tỉnh Cao Bằng có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu anh C không trả số tiền trên thì còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thanh toán.

5. *Về án phí*: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Lý Mùi C và anh Bàn Tồn C thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Báo cho Nguyên đơn chị Lý Mùi C, Người có nghĩa vụ liên quan là đại diện NHCSXH huyện B được biết quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho anh Bàn Tồn C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được giao nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự .

Nơi nhận:

- TA Cao Bằng;
- VKSND huyện Nguyên Bình;
- Chi cục THADS huyện Nguyên Bình;
- Các đương sự.
- UBND xã V;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Thu Lịch